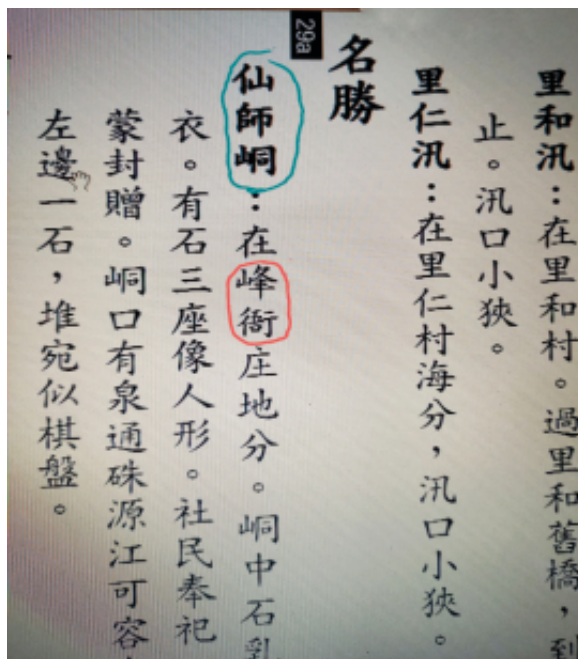


VỊ THẦN VÀ ĐỊA DANH PHONG NHA

TRẦN HÙNG

Hệ thống hang động vùng Phong Nha - Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình chẳng những có giá trị địa chất, địa mạo, giá trị tự nhiên toàn cầu, mà còn có giá trị thắng cảnh, giá trị văn hóa, tâm linh phong phú, trong đó, động Phong Nha là một trong những hang động có “linh hồn” nhất. “Linh hồn” của động Phong Nha là vị thần chủ lấy động này làm trú sở để bảo trợ dân lành trong khu vực. Từ ngày xưa ngày xưa, Ngài đã được các thế hệ cư dân quanh vùng trang Phong Nha trao truyền cho nhau sự kính ngưỡng, thờ phụng, được triều đình nhà Nguyễn phong thần, ban thần hiệu và cho đến tận bây giờ, những người làm du lịch đương đại vẫn còn chú trọng Ngài, tôn dựng cho Ngài một ngôi đền riêng để tấu túc mà làm yên lòng du khách: *Tiên Sư tự*.

Theo các nguồn tư liệu hiện có thấy rằng, thoát kỳ thủy, động chưa mang tên Phong Nha, mà được người bản địa gọi bằng các tên chữ nôm thân thuộc và gần gũi: động Troóc, động Cù Lạc, chùa Hang, chùa Nghe đã được học giả L. Cadière ghi lại hồi đầu thế kỷ trước; còn các bộ chính sử triều Nguyễn *Đại Nam nhất thống chí* (1865) ghi là Tự Cốc (Động Chùa), *Đồng Khánh dư địa chí* (1887) ghi là động Tiên Sư (ảnh 1, đánh dấu màu xanh), tên vị thần trú ngụ ở đây: 仙師洞: 在峰衙庄地分 (Tiên Sư động: tại Phong Nha trang địa phận - Động Tiên Sư [Thầy Tiên] ở địa phận trang Phong Nha). Dưới triều Nguyễn, địa danh “Phong Nha” xuất hiện trong chính sử từ thời vua Gia Long, ở sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (1806) và các bộ quốc sử khác kế tiếp. Các bộ chính sử này, trước sau đều chép đó là địa danh hành chính của một làng: trang Phong Nha (tương đương vùng xã Sơn Trạch hiện nay), chứ không phải tên hang động. Nguyên tác



Tờ 29a, sách “Đồng Khánh dư địa chí”, bản chữ Hán có chép “Động Tiên Sư” (khoanh màu xanh) và “Trang Phong Nha” (khoanh màu đỏ)

Ảnh: T.H

chữ Hán trong sách *Đồng Khánh dư địa chí* chép địa danh Phong Nha bằng hai chữ có tự dạng 峰衙 (ảnh 1, đánh dấu màu đỏ), trong đó chữ 峰 (phong) có nghĩa là: “ngọn núi, đỉnh núi”, chữ 衙 (nha) có nghĩa là: “sự vật bày thành hàng lối”, theo đó, địa danh “Phong Nha” theo cách viết này có nghĩa là: “những đỉnh núi xếp hàng liên nhau trùng điệp”.

Có đứng ở địa phận trang Phong Nha (Sơn Trạch), hoặc ở giữa dòng sông Sơn mới thấy được đầy đủ độ “Phong Nha” hùng vĩ của những đỉnh núi xếp hàng liên nhau trùng điệp bao bọc gần như tứ phía làng và từ đó mới cảm nhận được hết sự tài tình, thâm hậu của cha ông khi đặt tên cho địa danh. Như vậy, từ đây chúng ta có thể đoán định rằng,



Rước nước tiên trong Lễ hội đền Nghe (Tiên Sư tự) trên sông Son - Phong Nha (phục dựng)

Ảnh: T.H

“động Tiên Sư ở địa phận trang Phong Nha”, vì lý do nào đó mà cải đổi thành “động Phong Nha” như hiện có, thì sớm nhất cũng chỉ từ khoảng năm 1890 trở về sau, khi sách *Đồng Khánh dư địa chí* được biên soạn xong, theo cách phái sinh trên cơ sở tính lược cụm từ: “động ở trang Phong Nha” thành “động Phong Nha”, chứ không phải người xưa dựa vào hình dạng, đặc điểm, ý nghĩa của hang động mà trực tiếp đặt tên “Phong Nha” cho hang động này từ đầu. Đây là một trong những cách đặt địa danh có cấu trúc khá phổ biến trong tiếng Việt, cho đến tận ngày nay: Chùa Quảng Xá, đồi cát Quang Phú, cầu Nhật Lệ, chợ Ba Đồn... Thời kỳ đầu khi tỉnh Quảng Bình được tái lập, trong quá trình khôi phục, phát triển du lịch động Phong Nha, một số tài liệu quảng bá cho hang động này lưu truyền trên môi trường điện tử, cũng như một số lời thuyết minh chỉ dựa vào phiên âm chữ Hán mà cho rằng “Phong Nha” có nghĩa là “răng của gió”, với hàm ý giải thích những thạch nhũ trong hang động là do gió vi vút thổi qua mà thành. Cách chỉ dựa vào

phiên âm chữ Hán mà giải nghĩa này theo chúng tôi cần phải được chứng minh thấu đáo, bởi theo ngữ nghĩa trên, thì nguyên gốc chữ Hán tương ứng phải là 風牙, nhưng những Hán tự này không thấy xuất hiện trong *Đồng Khánh dư địa chí* cũng như các bộ quốc sử nhà Nguyễn khác khi chép về địa danh Phong Nha.

Với vị thần trú ngụ ở động Thầy Tiên (sau này là động Phong Nha), trước hết về danh tính, vị thần có mỹ tự “Tiên Sư”, hẳn nhiên là do triều đình ban tặng. Điều cần lưu ý là bản chữ Hán sách *Đồng Khánh dư địa chí* thể hiện mỹ tự “Tiên Sư” của Ngài bằng hai chữ 仙師 (ảnh 1, đánh dấu màu xanh), với chữ “tiên” 仙 có bộ “nhân đứng” để chỉ “ông tiên” hoặc “người tu luyện trên núi thành sống lâu, siêu thoát”, chứ không phải bằng chữ “tiên” 先 với nghĩa “đầu tiên, thứ nhất”, như trước đây từng có các ý kiến thảo luận. Về nhân dáng vật chất của Ngài, các sách cổ (*Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh dư địa chí*) đều chép đó là những tảng đá giống hình người, tượng đá giống Phật

Quan Âm, tượng đá hình Tiên Tử, tượng đá, bàn cờ đá... tịt trung là đá và hầu hết đã bị gãy vỡ, mai một. Nhìn cảnh tượng này, những người làm sách *Đồng Khánh dư địa chí* phải thốt lên rằng: “di tích ngàn thu chỉ còn lưu lại cái tên Tiên Sư (Thầy Tiên), rốt cuộc thì cũng chẳng biết rõ thời đại họ tên thế nào”. Mặc dù vậy, trên thực tế, thần vẫn được “dân trong xã lập đàn phụng thờ” từ trước đó rất lâu rồi, bởi niềm tin vào sức mạnh thần linh của Ngài. Trước thần lực có sẵn và đã ngấm sâu trong dân gian ấy, đến lượt mình, nhà Nguyễn hai lần tặng và gia tặng tôn hiệu cho Ngài: “tiền triều sắc tặng *Hiển linh chi thần* (...), năm Minh Mạng thứ năm (1824) gia tặng *Diệu Ứng chi thần*”, để tỏ rõ quyền uy tối thượng của nhà vua, để nổi dài sự quản trị làng quê của triều đình qua hệ thống thần linh, và chắc chắn cũng có lời gửi gắm cho Ngài phải “bảo ngã lê dân” (bảo vệ, che chở cho dân của ta), như trong mẫu cổ định các sắc phong thần khác còn lại mà chúng ta được tiếp cận.

Theo học giả Cadière, chứng tích thờ cúng thần thánh nơi đây là của người Chăm ngày trước. Khi người Việt di dân vào đây vẫn còn tiếp tục thờ thần của động, bởi có yếu tố gần gũi với tục thờ đá của người Việt và sau đó mới dần Việt hóa vị thần này. Lễ tế cầu mưa trước cửa hang được Cadière ghi lại là thu hút đông người và rất náo nhiệt: “hội đủ cư dân trong vùng đến bằng đường sông vừa chèo vừa xướng “Hô mưa! Hô mưa!”. Ngoài lễ vật, văn tế cúng thần, còn có một con chó để ném xuống

sông. Đây không phải tục hiến tế mà chỉ là hành vi nhằm làm bản khúc sông, buộc thần phải làm mưa để rửa đi sự xú uế nơi trú ngụ của mình. Sự khiêu khích thần linh khi cầu mưa không được thần đáp ứng là hành vi phổ biến của người Việt ở nhiều miền quê và thường là người ta đem phơi nắng sắc phong của Ngài, do vậy, tục dim nước con chó của cư dân trang Phong Nha là khá khác biệt.

Nhiều năm trước, cơ quan chức năng và các nhà chuyên môn tỉnh Quảng Bình tổ chức phục dựng lễ hội cầu mưa – rước nước tiên trước cửa động với tên gọi “Lễ hội đền Nghe”, nhằm bảo tồn một giá trị phi vật thể quý giá còn lại liên quan đến hang động tự nhiên Phong Nha, đồng thời tạo sản phẩm phục vụ du lịch. Đây là một ý tưởng tốt và theo chúng tôi là cần phải tiếp tục và sớm hoàn thiện sản phẩm.

Tết đến Xuân về, trong khói hương trầm, giữa những người thân ấm áp, nói chuyện tổ tiên, thần linh là phải cách. Đó cũng là sự tri ân các bậc tiền hiền. Ngày nay, khoa học kỹ thuật phát triển, con người văn minh hiện đại, nên đã loại đi nhiều những yếu tố mê tín dị đoan trong cuộc sống. Tuy nhiên, những tưởng tượng, ước mơ của người xưa còn đọng lại đến nay, hầu hết đã thành văn hóa, thành mỹ tục, thành giá trị truyền thống, bởi đáp nên tâm hồn Việt giàu chất nhân văn, thì cần phải quan tâm gìn giữ, bảo tồn và phát triển để phục vụ dân sinh ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Lê Quang Định, Nxb Thế giới, 2021.
2. *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Lao động - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2012.
3. *Đồng Khánh dư địa chí*, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe dịch và hiệu đính, bản online.
4. *Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L. Cadière*, Đỗ Trinh Huệ, Nxb Thuận Hóa, 2006.
5. *Thần, người và đất Việt*, Tạ Chí Đại Trường, Nxb Tri thức, 2014.
6. *Thần thành hoàng Quảng Bình trong thư tịch Hán Nôm*, Nguyễn Văn Tuấn (chủ biên), Nxb Thông tin và Truyền thông - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình, 2021.
7. *Quảng Bình thắng tích lục*, Trần Kinh, Nguyễn Kinh Chi, Thư viện Quảng Bình, 1998.